

Bản án số: 06/2022/HS-ST

Ngày 29/3/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Chiêm và Bà Long Thị Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Huyền Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Nông Đình Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2022/TLST-HS, ngày 03 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo :

La Ngọc T, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1996 tại: xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, nghề nghiệp: Làm ruộng, trình độ học vấn: 11/12, dân tộc: Tày, giới tính: Nam, quốc tịch: Việt Nam, tôn giáo: Không, con ông: La Văn T1 và bà: Hà Thị Q, bị cáo có vợ là Nông Thị T2 và 01 con. Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo hiện đang được tại ngoại (có mặt).

* Bị hại:

+ Chị Lường Thị H, sinh năm 1990;

+ Anh Hà Đình Đ, sinh năm 1987;

Đều trú tại: thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (đều vắng mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông La Văn T1, sinh năm 1975 (vắng mặt);

+ Bà Hà Thị Q; sinh năm 1975 (có mặt);

Đều trú tại thôn B, xã L, huyện N, Bắc Kạn

+ Bà Triệu Thị Bích V

+ Ông Nguyễn Anh V1

Đều trú tại: tổ nhân dân P, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (đều vắng mặt)

+ Chị Bàn Thị B1, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Trú tại: thôn N1, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10h ngày 06/9/2021, La Ngọc T, sinh năm 1996, trú tại thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đi từ nhà của T đến nhà chị Lương Thị H, sinh năm 1990 trú cùng thôn để xem bà Hà Thị Q là mẹ đẻ của T đến nhờ chị H để đo huyết áp (chị H là y tế thôn bản). Khi đến nơi T nhìn thấy bà Lại Thị T3 là mẹ chồng của chị H đồng thời là bác ruột của T đang cùng bà Q ngồi nói chuyện và trông cháu nhỏ ở giữa sàn nhà. Lúc này, T quan sát thấy trên chiếc văng ở gần cửa ra vào có để 01 chiếc điện thoại di động của chị H, lợi dụng lúc bà T3, bà Q không để ý T đi đến vị trí chiếc văng và cầm chiếc điện thoại di động, T lấy một chiếc tăm nhỏ rơi ở sàn nhà chọc vào khay để tháo lấy sim điện thoại của chị H bỏ vào bên trong ốp nhựa điện thoại của T. Sau đó T cho một chiếc thẻ sim khác đã hỏng không còn sử dụng được (T chuẩn bị từ trước) lắp vào khay sim điện thoại của chị H rồi để ở vị trí cũ trên văng. T trộm được sim điện thoại xong một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 97F7 - 6199 của gia đình đi thị trấn Yc, huyện N, tỉnh Bắc Kạn khi đi đến đoạn đường thuộc xã D (không nhớ địa điểm cụ thể) T dừng xe và lấy thẻ sim điện thoại vừa lấy trộm của chị H ra lắp vào điện thoại di động của T. T mở ứng dụng Viettel Pay, tại phần đăng nhập T nhập số điện thoại của chị H và ấn vào phần quên mật khẩu, sau đó hệ thống gửi tin nhắn có mã đăng nhập về điện thoại, T liền nhập mã và đăng nhập thành công. Sau khi đăng nhập được vào tài khoản, T thấy trong tài khoản của chị H có số tiền hơn 18.000.000,đ. T tiếp tục điều khiển xe di chuyển theo hướng thị trấn Y, huyện N, khi đi đến quán tạp hóa của chị Bàn Thị B, sinh năm 1992, trú tại thôn N1, xã C, huyện N T hỏi chị Ban là muốn chuyển khoản cho chị và nhờ chị rút tiền mặt giúp T thì được chị Ban đồng ý. Sau đó T chuyển cho chị B1 số tiền 6.000.000,đ từ tài khoản Viettel Pay của H đến tài khoản của chị B1 và được chị B1 đưa cho 6.000.000,đ tiền mặt. Sau đó T tiếp tục đi đến cửa hàng vàng bạc " Vĩnh Tín" thuộc tổ nhân dân P, thị trấn Y, huyện N để nhờ rút tiền nhưng nghĩ chủ cửa hàng sẽ không đồng ý nên T vào hỏi mua vàng trang sức. T mua một đôi khuyên tai bằng vàng với giá 8.025.000,đ. T lại sử dụng tài khoản Viettel Pay của chị H chuyển số tiền 12.000.000,đ cho bà Triệu Thị Bích V (là vợ của ông V1). T đưa cho ông V1 số tiền 25.000,đ và được ông V1 trả lại

4.000.000,đ tiền mặt. Sau đó T điều khiển xe mô tô mang theo số tiền 10.000.000,đ và một đôi khuyên tai vàng vừa mua được đi về nhà cất giấu.

Ngày 07/9/202, khi bị phát hiện T đã tự giác giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện N số tiền 10.000.000,đ và 01 đôi khuyên tai vàng.

Ngày 11/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N định giá đối với 01 chiếc thẻ sim điện thoại của nhà mạng Viettel, bị hại mua năm 2016 với giá 50.000.đ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 36 ngày 13/10/2021 của Hội đồng ĐGTSTTTHS huyện N kết luận 01 chiếc thẻ sim điện thoại của nhà mạng Viettel tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng).

Tại Cơ quan điều tra, La Ngọc T đã khai nhận: Do là anh em trong nhà nên T thường xuyên đến nhà chị H chơi, cách ngày 06/9/2021 khoảng một tuần, T có nhìn thấy điện thoại của chị H hiện tin nhắn thông báo tài khoản Viettel Pay của chị H có tiền chuyển đến nên T nghĩ là trong tài khoản của chị H có tiền nên ngày 06/9/2021 khi sang nhà chị H và nhìn thấy điện thoại của chị H đặt trên võng trong nhà, T đã thực hiện hành vi trộm thẻ sim điện thoại, sau đó thực hiện việc chiếm đoạt tiền của chị H thông qua hình thức chuyển khoản cho người khác rồi lấy tiền mặt

Về vật chứng của vụ án:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3s, màu đỏ, có ốp nhựa màu trắng trong suốt, màn hình cảm ứng có nhiều vết nứt vỡ.
- 01 ví giả da màu đen, loại ví gấp, trên mặt ví có chữ "VERSACE";
- Số tiền 10.000.000,đ;
- 01 đôi bông tai bằng kim loại, hình tròn, màu vàng;
- 01 chiếc mũ bảo hiểm loại mũ đội nửa đầu, có kính che, mũ màu đen có sọc màu da cam ở đỉnh mũ, mũ có dán chữ "moza HELMET"
- + 01 chiếc áo phong màu xanh rêu, trước ngực trái có in chữ Justcavalli màu trắng
- + 01 chiếc quần dài, màu xanh dương
- + 01 chiếc thẻ nhớ Micro SD HC 8GB, màu đen.

Các vật chứng này được bảo quản, quản lý theo quy định của pháp luật.

+ Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đỏ, biển kiểm soát 97F7- 6199 đã tạm giữ. Quá trình điều tra xét thấy không liên quan đến vụ án nên ngày 22/9/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả cho ông La Văn T1, sinh năm 1975, trú tại thôn B, xã L, huyện N là chủ sở hữu.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS-NR ngày 03/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn, truy tố La Ngọc T về: "Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 290 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

- Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất

- Bị hại chị Lương Thị H và anh Hà Đình Đ có đơn xin xét xử vắng mặt và nêu ý kiến gia đình đã được nhận lại số tiền 18.000.000,đ do bị cáo chiếm đoạt, chị H đã làm lại sim nên không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo. Về hình phạt xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hà Thị Q nêu ý kiến bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho chị H số tiền 18.000.000,đ và không có yêu cầu gì đối với bị cáo về số tiền này. Đối với số tiền là 10.000.000,đ và đôi bông tai bằng kim loại, hình tròn, màu vàng hiện đang bị tạm giữ đề nghị trả lại cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông La Văn T1 có đơn xin xét xử vắng mặt và nêu ý kiến bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho chị H số tiền 18.000.000,đ và không có yêu cầu gì đối với bị cáo. Đối với số tiền là 10.000.000,đ và đôi bông tai bằng kim loại, hình tròn, màu vàng hiện đang bị tạm giữ đề nghị trả lại cho bị cáo và ông T1, bà Q.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh V1, bà Triệu Thị Bích V, chị Bàn Thị B1 vắng mặt và không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng. Đề nghị HĐXX tuyên bố La Ngọc T phạm “Tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 290 của Bộ luật Hình sự 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 290; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho La Ngọc T: 01 ví giả da màu đen, loại ví gấp, trên mặt ví có chữ "VERSACE"; 01 chiếc mũ bảo hiểm, loại mũ đội nửa đầu, có kính che, mũ màu đen có sọc màu da cam ở đỉnh mũ, mũ có dán chữ "moza HELMET"; 01 chiếc áo phông màu xanh rêu; 01 chiếc quần dài, màu xanh dương; Số tiền 10.000.000,đ; 01 đôi bông tai bằng kim loại, hình tròn, màu vàng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3s, màu đỏ, có ốp nhựa màu trắng trong suốt, màn hình cảm ứng có nhiều vết nứt vỡ, số IMEI1:862134041175518, số IMEI2:862134041175500 được niêm phong trong phong bì ký hiệu B3 dán kín mép dán có 04 chữ ký và đóng 03 dấu đỏ hình tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, một

mặt phong bì có ghi "chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3s kiểm tra ngày 04/10/2021".

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Việc vắng mặt của những người: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo không có ý kiến gì. Kiểm sát viên nêu quan điểm, việc vắng mặt của những người trên không ảnh hưởng việc xét xử, vì họ đã nhận được giấy triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai của bị hại, các tài liệu khác đã được cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận: Khoảng hơn 10 giờ ngày 06/9/2021 La Ngọc T đã có hành vi chiếm đoạt trái phép sim điện thoại có đăng ký tài khoản Viettel pay của chị H, sau đó đăng nhập, sử dụng thông tin tài khoản Viettel pay của chị H để chuyển tiền từ tài khoản Viettel pay thuộc sở hữu của chị H đến tài khoản của người khác để rút tiền mặt, thanh toán tiền mua đôi bông tai nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của chị H. Tổng số tiền T đã chiếm đoạt của chị H là 18.000.000,đ

Hành vi nêu trên của La Ngọc T đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, gây mất trật tự trị an tại địa phương và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận hành vi của La Ngọc T đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 290 Bộ luật Hình sự 2015, nội dung điều luật quy định:

1. Người nào sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử thực hiện một trong những hành vi sau đây, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ;

[3]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ " Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại nên bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm 01 tình tiết quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Ngoài ra bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có ông ngoại được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba nên bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là nằm trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố và phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, căn cứ vào các quy định của pháp luật, HĐXX xét thấy: Không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội mà vẫn đảm bảo mục đích giáo dục bị cáo. Do vậy, áp dụng Điều 65 của BLHS để xử phạt tù bị cáo, nhưng cho hưởng án treo; giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú và gia đình giám sát, giáo dục, cải tạo bị cáo trong thời gian thử thách là phù hợp và có căn cứ.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm ruộng chỉ đủ ăn, sống với bố mẹ, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và nêu ý kiến gia đình đã nhận lại số tiền 18.000.000,đ, sim đã làm lại nên không có yêu cầu gì thêm. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T1, bà Q không có ý kiến gì đối với số tiền 18.000.000,đ đã bỏ ra bồi thường cho bị hại. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông V1, bà V, chị B1 không có ý kiến gì đối với bị cáo nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: .

- Đối với: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3s, màu đỏ, có ốp nhựa màu trắng trong suốt, màn hình cảm ứng có nhiều vết nứt vỡ, bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với: 01 ví giả da màu đen, loại ví gấp, trên mặt ví có chữ "VERSACE"; 01 chiếc mũ bảo hiểm loại mũ đội nửa đầu, có kính che, mũ màu đen có sọc màu da cam ở đỉnh mũ, mũ có dán chữ "moza HELMET"; 01 chiếc áo phông màu xanh rêu, trước ngực trái có in chữ Justcavalli màu trắng; 01 chiếc quần dài, màu xanh dương.

Là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, bị cáo yêu cầu được lấy lại nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với:

+ Số tiền 10.000.000,đ và 01 đôi bông tai bằng kim loại, hình tròn, màu vàng.

Do bị cáo đã tác động gia đình bồi thường đủ số tiền 18.000.000,đ cho bị hại; Tại phiên tòa và quá trình giải quyết vụ án bị cáo, bà Q, ông T1 đều có ý kiến đề nghị Tòa án trả lại tiền và đôi bông tai cho bị cáo. Có căn cứ để chấp nhận ý kiến của bị cáo, bà Q, ông T1 cần trả lại tiền và đôi bông tai cho bị cáo T.

- Đối với: 01 chiếc thẻ nhớ Micro SD HC 8GB, màu đen. Chứa đựng giữ liệu được lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo La Ngọc T phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

[2] Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 290; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt: La Ngọc T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/3/2022).

Giao bị cáo cho UBND xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

" Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

[3] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho La Ngọc T:

+ 01 ví giả da màu đen, loại ví gấp, trên mặt ví có chữ "VERSACE".

+ 01 chiếc mũ bảo hiểm, loại mũ đội nửa đầu, có kính che, mũ màu đen có sọc màu da cam ở đỉnh mũ, mũ có dán chữ "moza HELMET".

+ 01 chiếc áo phông màu xanh rêu, trước ngực trái có in chữ Justcavalli màu trắng.

+ 01 chiếc quần dài, màu xanh dương

+ Số tiền 10.000.000,đ (mười triệu đồng) gồm 01 tờ tiền mệnh giá 100.000,đ; 12 tờ tiền mệnh giá 200.000,đ; 15 tờ tiền mệnh giá 500.000,đ;

+ 01 đôi bông tai bằng kim loại, hình tròn, màu vàng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3s, màu đỏ, có ốp nhựa màu trắng trong suốt, màn hình cảm ứng có nhiều vết nứt vỡ, số IMEI1:862134041175518, số IMEI2;862134041175500 được niêm phong trong phong bì ký hiệu B3 dán kín mép dán, trên mép dán có 04 chữ ký và đóng 03 dấu đỏ hình tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, một mặt phong bì có ghi "chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3s kiểm tra ngày 04/10/2021".

(Số lượng, hiện trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/11/2021 và ngày 19/11/2021 giữa Công an huyện với Chi cục thi hành án dân sự huyện N).

+ 01 chiếc thẻ nhớ Micro SD HC 8GB, màu đen (lưu theo hồ sơ vụ án).

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000,đ (hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm

" Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự "

[5] Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện(01b);
- VKSND tỉnh (01b);
- TA tỉnh(01b);
- CA huyện(02b);
- Bị cáo(01b);
- Bị hại (02b);
- Người có QLNVLQ (05b);
- Lưu hồ sơ.
- Lưu Vp.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Luân

Nì, ngày 04 tháng 5 năm 2022

Số: 03 /2022/TB-TA

**THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN**

Căn cứ các điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2022/HS-ST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn có lỗi chính tả cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

- Tại dòng 8, 9 từ trên xuống trang 8 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: ".....thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. "

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: ".....thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự."

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- TA tỉnh(01b);
- CA huyện;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- THA dân sự;
- THA hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- CT phiên tòa; Lưu TA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÝ THỊ LUÂN

